

Số: **4988** /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày **20** tháng **12** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình

Dự án: Hồ chứa nước Krông Pách Thượng, tỉnh Đắk Lắk (Giai đoạn 1)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, ngày 26/11/2013; Luật đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015, số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 1561/TB-TTKQH ngày 16/01/2018 của Tổng Thư ký Quốc hội Khóa XIV thông báo kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 20 (tháng 01/2018);

Căn cứ Văn bản số 1767/TTg-KTTH ngày 23/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển vốn trái phiếu Chính phủ cho Ủy ban nhân dân các tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk quản lý thực hiện; số 10195/VPCP-KTTH ngày 19/10/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 1561/TB-TTKQH ngày 16/01/2018 của Tổng Thư ký Quốc hội;

Căn cứ Văn bản số 8315/BKHĐT-KTNN ngày 21/11/2018 về việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn Dự án Hồ chứa nước Krông Pách Thượng, tỉnh Đắk Lắk (Giai đoạn 1);

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 1394/QĐ-BNN-XD ngày 15/5/2009 phê duyệt dự án đầu tư; số 440/QĐ-BNN-XD ngày 26/02/2010 phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư; số 1193/QĐ-BNN-XD ngày 30/5/2014 phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở cụm đầu mối hồ Krông Pách Thượng; số 2510/QĐ-BNN-XD ngày 28/10/2013 phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở hợp phần Hồ Ea Rót, dự án đầu tư Công trình thủy lợi Hồ chứa nước Krông Pách Thượng, tỉnh Đắk Lắk; số 4173/QĐ-BNN-XD ngày

Đã gửi:
- Lãnh đạo ban
- Cục pháp
- Ban xây pháp chế
20/12


25/10/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung thiết kế cơ sở hệ thống kênh và phê duyệt điều chỉnh Thiết kế kỹ thuật, Dự toán xây dựng công trình Kênh chính, kênh Bắc, kênh Nam và 06 tuyến kênh cấp 1 thuộc kênh Nam;

Căn cứ các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 về việc điều chỉnh chủ đầu tư Hợp phần Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án Hồ chứa nước Krông Pách Thượng; văn bản số 4301/UBND-NNMT ngày 30/5/2018 về việc chuyển giao chủ đầu tư hệ thống kênh có $F_{tưới} < 150ha$ thuộc Dự án Hồ chứa nước Krông Pách Thượng;

Xét Tờ trình số 44/TTr-BQL ngày 14/12/2018 xin phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư công trình thủy lợi Hồ chứa nước Krông Pách Thượng, tỉnh Đắk Lắk và Báo cáo số 70/BCGSDGĐT-BQL ngày 14/12/2018 về việc giám sát, đánh giá điều chỉnh DAĐT công trình thủy lợi Hồ chứa nước Krông Pách Thượng của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình tại Báo cáo thẩm định số 516/BC-XD-TĐ ngày 10/5/2018, Báo cáo số 1607/BC-XD-TĐ ngày 17/12/2018 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 1394/QĐ-BNN-XD ngày 15/5/2009 về phê duyệt dự án đầu tư dự án Công trình thủy lợi Hồ chứa nước Krông Pách Thượng với các nội dung chủ yếu sau:

1. Điều chỉnh Khoản 6, Điều 1 - Chủ đầu tư: Giai đoạn thực hiện đầu tư:

- Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 8 làm chủ đầu tư: Hợp phần cụm công trình đầu mối + Kênh chính, kênh chính Bắc, kênh chính Nam hồ Krông Pách Thượng; xây dựng cụm công trình đầu mối + kênh chính và kênh cấp 1 có $F_{tưới} > 150ha$ hồ Ea Rót; Khảo sát, thiết kế toàn bộ dự án và các chi khác có liên quan.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk làm chủ đầu tư: Hợp phần Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hợp phần xây dựng hệ thống kênh cấp 1 trở xuống hồ Krông Pách Thượng.

2. Điều chỉnh Khoản 10 Điều 1 - Thông số kỹ thuật công trình chủ yếu:

a) Cấp công trình và tần suất thiết kế: Tần suất thiết kế đảm bảo tưới: $P=85\%$.

b) Kênh chính hồ Krông Pách Thượng:

- Chiều dài kênh: $L = 0,825km$; mực nước đầu kênh: $+ 478,15m$; độ dốc đáy kênh $i=0,0004$.

- Hình thức, kết cấu kênh: Kênh hình thang $B \times H = (2,5 \times 2,45)m$, gia cố bằng Neoweb chèn bê tông.

- Số lượng công trình trên kênh: 05 cái.

c) Kênh Bắc hồ Krông Pách Thượng:

- Chiều dài kênh: $L = 21,354km$; mực nước đầu kênh: $+ 477,68m$; độ dốc đáy kênh $i=0,0004$.

- Hình thức, kết cấu kênh: Kênh hình thang $B \times H = (2,2 \times 2,8 + 1,8 \times 2,25)m$, gia cố bằng Neoweb chèn bê tông.

- Số lượng công trình trên kênh: 167 cái.

d) Kênh Nam hồ Krông Pách Thượng:

- Chiều dài kênh: $L = 13,4\text{km}$; lưu lượng thiết kế đầu kênh: $Q_{TK} = 3,012 \text{ m}^3/\text{s}$.
- Hình thức, kết cấu kênh: Đường ống, kích thước $\Phi = (1,6 \div 0,8)\text{m}$; kết cấu bằng ống nhựa cốt sợi thủy tinh.

+ Số lượng công trình trên kênh: 103 cái.

đ) Kênh cấp 1 hồ Krông Pách Thượng:

Kênh và các công trình trên kênh có $F_{tưới} \geq 150\text{ha}$ thuộc kênh Nam:

- Tổng số kênh: 06 tuyến; chiều dài các tuyến kênh: $L = 20,53\text{km}$; số lượng công trình trên kênh: 140 cái.
- Hình thức, kết cấu kênh: Đường ống, kích thước $\Phi = (1,0 \div 0,3)\text{m}$; kết cấu bằng ống nhựa cốt sợi thủy tinh.

e) Bổ sung kênh xả môi trường hồ Krông Pách Thượng: Tuyến kênh nối từ cống xả trên kênh chính tại $K0+075$: Chiều dài kênh 48m ; lưu lượng xả $Q_{xả} = 0,7 \text{ m}^3/\text{s}$, kênh mặt cắt chữ nhật $B \times H = (0,6 \times 0,6)\text{m}$, kết cấu bằng BTCT M200.

g) Hệ thống kênh thuộc hồ Krông Pách Thượng còn lại chưa đầu tư trong giai đoạn 2017-2020, bao gồm: $12,576\text{km}$ kênh chính Bắc và các tuyến kênh cấp 1 trở xuống thuộc kênh Bắc; các tuyến kênh cấp 1 trở xuống có $F_{tưới} < 150\text{ha}$ thuộc kênh Nam.

h) Hệ thống kênh hồ Ea Rót:

- Kênh chính: Chiều dài $L = 4,29\text{km}$; công trình trên kênh 41 cái.
- Kênh Đông: Chiều dài $L = 8,71\text{km}$; công trình trên kênh 61 cái.
- Kênh Tây: Chiều dài $L = 9,04\text{km}$; công trình trên kênh 81 cái.
- Kênh cấp 1 có $F_{tưới} \geq 150\text{ha}$: Tổng chiều dài $\sum L = 10,42\text{km}$; công trình trên kênh 99 cái.
- Kênh nội đồng: Tổng chiều dài $\sum L = 30,86\text{km}$; công trình trên kênh 453 cái.

i) Đường thi công kết hợp quản lý hồ Ea Rót: Chiều dài: $L = 15,820\text{Km}$.

k) Nhà quản lý:

- Nhà quản lý đầu mối hồ Krông Pách Thượng: Diện tích xây dựng 630 m^2 trong khuôn viên 5000 m^2 , hàng rào bao quanh khuôn viên.
- Nhà quản lý đầu mối hồ Ea Rót: Diện tích xây dựng 400 m^2 trong khuôn viên 1200 m^2 , hàng rào bao quanh khuôn viên.

l) Hệ thống cơ, điện:

- Cơ khí Tràn xả lũ hồ Krông Pách Thượng:

+ Kích thước cửa $B \times H = (10 \times 7.5)\text{m}$.

+ Thiết bị đóng mở cửa van cung: Xi lanh thủy lực.

- Bổ sung 01 máy phát điện Diesel dự phòng vận hành tràn xả lũ.

m) Bổ sung chỉnh trang hoàn thiện cụm đầu mối và khuôn viên hạ lưu đập Ea Rót:

- Điều chỉnh hình thức gia cố mái hạ lưu hai bên tràn xả lũ từ trồng cỏ trong ô rãnh thoát nước bê tông M150 sang gia cố mái bằng bê tông M150; Bổ sung bậc thang lên xuống ở bên phải dốc nước tràn; Gia cố bê tông M150 mép ngoài cơ hạ lưu đập ở cao trình +459m.

- Bổ sung chỉnh trang hạ lưu Cụm đầu mối trong khuôn viên rộng 59.248m²:

+ Xây dựng hàng rào bao quanh khuôn viên chiều dài L= 1.169,5m, trong đó: kết cấu hàng rào đoạn hạ lưu đập (dài L=758,5m) bằng thanh BTCT M200, trụ gạch xây, móng đá xây M100; hàng rào đoạn phía vai trái tràn (L= 411m) bằng lưới thép gai, trụ BTCT M200;

+ Xây dựng đường nội bộ rộng 2,5m, chiều dài L= 776m, kết cấu bê tông M250 dày 15cm;

+ Xây dựng bồn hoa và đường dạo tại khu trung tâm, trồng cây xanh tạo cảnh quan;

+ Xây dựng cổng chào, phù điêu và nhà vệ sinh: Nhà cấp IV, diện tích 20m²;

+ Xây dựng mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây cam với diện tích 1.800 m².

n) Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung theo quy định và để phù hợp thực tế:

- Bổ sung lập quy trình vận hành điều tiết hồ chứa nước Krông Pách Thượng và hồ chứa nước Ea Rót.

- Bổ sung lập phương án phòng chống lũ lụt cho vùng hạ du hồ chứa nước Krông Pách Thượng và hồ chứa nước Ea Rót; Bổ sung hạng mục lắp đặt thiết bị đo số tự động và Camera phục vụ quản lý vận hành hồ chứa nước Krông Pách Thượng và hồ chứa nước Ea Rót.

- Bổ sung rà soát xem xét tổ chức quản lý tưới theo hướng tiết kiệm nước, gắn với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng có giá trị kinh tế cao.

- Bổ sung Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước; cấm mốc bảo vệ công trình và nguồn nước.

- Bổ sung khảo sát, lập thiết kế kênh Bắc + kênh Nam và 06 tuyến kênh cấp 1 có Ft>150ha thuộc kênh Nam.

- Bổ sung công tác cấm mốc phục vụ giải phóng mặt bằng lòng hồ Krông Pách Thượng theo đường mực nước ứng với tần suất lũ 5%.

- Bổ sung công tác lập Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho dự án giai đoạn 1; thẩm tra phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Hồ Krông Pách Thượng.

3. Điều chỉnh Khoản 11, Điều 1 - Khối lượng chính.

(Chi tiết xem tại Phụ lục số I kèm theo)

4. Điều chỉnh Khoản 12, Điều 1 - Hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Điều chỉnh phạm vi GPMB lòng hồ Krông Pách Thượng theo đường mực nước ứng với tần suất lũ 5%.

- Diện tích thu hồi đất thực hiện dự án giai đoạn 1: 3.818,46 ha.

- Tại Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư đợt này, cập nhật kinh phí của Hợp phần theo Văn bản số 19/TTr-UBND ngày 23/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Dự án công trình thủy lợi Hồ chứa nước Krông Pách Thượng.

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk chịu trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định phê duyệt điều chỉnh sau khi có Văn bản của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án và triển khai thực hiện hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định. Có ý kiến đồng thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước khi phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

5. Điều chỉnh Khoản 13, Điều 1 - Tổng mức đầu tư và phân vốn đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư giai đoạn 1: **4.421.236.356.000 đồng** (Bốn ngàn bốn trăm hai mươi một tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi sáu ngàn đồng). Trong đó:

(i) Hợp phần xây dựng công trình:	2.481.925.388.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	2.040.354.425.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	25.093.385.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	23.049.610.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	188.550.132.000 đồng
- Chi phí khác:	111.236.333.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	93.641.503.000 đồng
(ii) Hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và kênh cấp dưới có Ft<150ha:	1.939.310.968.000 đồng
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trồng rừng thay thế:	1.892.268.000.000 đồng
- Chi phí xây dựng hệ thống kênh có Ft<150ha:	47.042.968.000 đồng

(Chi tiết xem tại các Phụ lục số II và III kèm theo)

b) Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn trái phiếu Chính phủ: Đã được ghi tại Nghị quyết 881/NQ-UBTVQH12 là 2.993.684.339.000 đồng; phần kinh phí tăng thêm sử dụng vốn dự phòng giai đoạn 2017-2020 giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

c) Phân quản lý vốn đầu tư như sau:

- Hợp phần xây dựng cụm công trình đầu mối, kênh và công trình trên kênh có $F_{tưới} \geq 150ha$ hồ Ea Rót; cụm công trình đầu mối, kênh và công trình trên kênh chính, kênh Bắc, kênh Nam và 06 tuyến kênh cấp 1 có $F_{tưới} > 150ha$ thuộc kênh Nam hồ Krông Pách Thượng; khảo sát thiết kế và các chi phí khác liên quan: Vốn trái phiếu Chính phủ do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

- Hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; xây dựng hệ thống kênh và công trình trên kênh có $F_{tưới} < 150ha$ hồ Ea Rót (trừ khảo sát thiết kế) và các chi phí khác liên quan: Vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016 về trước do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quản lý (511,759 tỷ đồng) và vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017-2020 do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án trong phạm vi nguồn vốn được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chính thức.

6. Điều chỉnh Khoản 15, Điều 1 - Thời gian thực hiện dự án: Hoàn thành dự án giai đoạn 1 đến năm 2021.

7. Một số nội dung lưu ý:

- Đối với hạng mục trồng rừng thay thế chỉ ghi danh mục vào hợp phần Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thực hiện theo văn bản số 1466/BNN-XD ngày 09/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Chủ đầu tư tổ chức lập dự toán đối với các hạng mục đã duyệt trong dự án đầu tư nhưng chưa được duyệt dự toán, thực hiện các thủ tục thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành làm căn cứ tổ chức triển khai, nghiệm thu thanh quyết toán.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk chỉ đạo Chủ đầu tư Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong phạm vi vốn trái phiếu Chính phủ được bố trí, đáp ứng tiến độ xây dựng.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

- Giữ nguyên nội dung phân giao nhiệm vụ tại Điều 2 - Quyết định số 1394/QĐ-BNN-XD ngày 15/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 8 và Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư như phân giao tại Khoản 1, Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh một số nội dung tại các Quyết định: số 1394/QĐ-BNN-XD ngày 15/5/2009 phê duyệt dự án đầu tư; số 440/QĐ-BNN-XD ngày 26/02/2010 phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư; số 1193/QĐ-BNN-XD ngày 30/5/2014; số 2510/QĐ-BNN-XD ngày 28/10/2013 phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở dự án đầu tư Công trình thủy lợi Hồ chứa nước Krông Pách Thượng, tỉnh Đắk Lắk, các nội dung khác không thay đổi.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 8; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và Nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- UBND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở NN&PTNT Đắk Lắk;
- Kho bạc NN Đắk Lắk;
- Lưu: VT, XD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Hoàng Văn Thắng

Hoàng Văn Thắng

Phụ lục I:

BẢNG TỔNG HỢP KHÔI LƯỢNG CHÍNH
DỰ ÁN: HỒ CHỨA NƯỚC KHÔNG PÁCH THƯỢNG, TỈNH ĐĂKLĂK

(Kèm theo Quyết định số 4288 /QĐ-BNN-XD ngày 20/12/2018 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Hồ Không Pách Thượng		Hồ Ea Rót		Tổng cộng
			Đ.mỗi	HT.kênh	Đ. mỗi	HT.kênh	
1	Bê tông các loại	m ³	71.140	61.015	39.465	26.080	197.700
2	Cốt thép	Tấn	5.181	2.600	1.443	1.408	10.632
3	Đất đắp	m ³	2.058.248	998.510	1.057.543	496.162	4.610.463
4	Đất đào	m ³	3.886.911	1.673.508	719.204	318.551	6.598.174
5	Đá đào	m ³	1.147.406	27.560	22.962	34.552	1.232.480
6	Vữa XM	m ²	4.563	13.823	40		18.426
7	Đá các loại	m ³	102.456	1.137	45.943		149.536
8	Cát	m ³	66.130	26.774	53.215		146.119
9	Vải ĐKT	m ²	134.479	113	2.184		136.776
10	Bê tông nhựa	m ³	9.353		4.401		13.754
11	Khoan đá	m	21.615		6.097		27.712
12	Phụt vữa	m	22.470		6.097		28.567
13	Ống composite	m		34.898			34.898
14	Neoweb	m ²		241.440			241.440

Phụ lục II

TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN I
DỰ ÁN HỒ CHƯA NƯỚC KRÔNG PÁCH THƯỢNG, TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số 4988/QĐ-BNN-XD ngày 20/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

HẠNG MỤC CHI PHÍ	KINH PHÍ (1.000 ĐỒNG)						
	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT QUẢN LÝ					UBND TỈNH ĐẮK LẮK QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
	Hợp phần Xây dựng công trình			Hợp phần Bồi thường hỗ trợ tái định cư và trồng rừng thay thế	CỘNG		
	Đầu mối Krông Pách Thượng + Hồ Ea Rót+Hệ thống kênh chính	Kênh và CTTK Nam cấp I (Ft>150 ha)	Cộng				
(2)	(4)	(5)	(6)=(4)+(5)	(7)	(8)=(7)+(6)	(9)	(10)=(8)+(9)
CHI PHÍ XÂY DỰNG	1.910.637.104	129.717.321	2.040.354.425		2.040.354.425	37.335.313	2.077.689.738
Hồ Krông Pách Thượng	1.456.256.178	129.717.321	1.585.973.499		1.585.973.499		1.585.973.499
Hồ Ea Rót	454.380.926		454.380.926		454.380.926	37.335.313	491.716.239
CHI PHÍ THIẾT BỊ	25.093.385		25.093.385		25.093.385	952.879	26.046.264
Hồ Krông Pách Thượng	15.897.559		15.897.559		15.897.559		15.897.559
Hồ Ea Rót	9.195.826		9.195.826		9.195.826	952.879	10.148.705
CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TRỒNG RỪNG THAY THẾ				1.427.552.017	1.427.552.017	464.715.983	1.892.268.000
CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	21.484.948	1.564.663	23.049.610		23.049.610	711.265	23.760.875
CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	187.356.501	1.193.631	188.550.132		188.550.132	720.392	189.270.524
CHI PHÍ KHÁC	100.986.024	10.250.309	111.236.333		111.236.333	1.324.928	112.561.261
CHI PHÍ DỰ PHÒNG	83.736.354	9.905.149	93.641.503		93.641.503	5.998.192	99.639.695
TỔNG CỘNG	2.329.294.315	152.631.073	2.481.925.388	1.427.552.017	3.909.477.405	511.758.951	4.421.236.356



Phụ lục III

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN I

DỰ ÁN HỒ CHỨA NƯỚC KHÔNG PÁCH THƯỢNG, TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số **4988** /QĐ-BNN-XD ngày **20** /12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

HẠNG MỤC CHI PHÍ	KINH PHÍ (1.000 ĐỒNG)						
	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT QUẢN LÝ					UBND TỈNH ĐẮK LẮK QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
	Hợp phần Xây dựng công trình			Hợp phần Bồi thường hỗ trợ tái định cư và trồng rừng thay thế	CỘNG		
	Đầu mối Krông Pách Thượng + Hồ Ea Rót + Hệ thống kênh chính	Kênh và CTTK cấp I (Ft>150 ha)	Cộng				
(2)	(4)	(5)	(6)=(4)+(5)	(7)	(8)=(7)+(6)	(9)	(10)=(8)+(9)
HI PHÍ XÂY DỰNG	1.910.637.104	129.717.321	2.040.354.425		2.040.354.425	37.335.313	2.077.689.738
CN KRÔNGPÁCH THƯỢNG	1.456.256.178	129.717.321	1.585.973.499		1.585.973.499		1.585.973.499
ÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI	853.241.798		853.241.798		853.241.798		853.241.798
ập số 1	174.098.817		174.098.817		174.098.817		174.098.817
ập số 2	85.108.152		85.108.152		85.108.152		85.108.152
àn xả lũ số 1	158.102.025		158.102.025		158.102.025		158.102.025
àn xả lũ số 2	51.061.719		51.061.719		51.061.719		51.061.719
ổng lấy nước	32.521.587		32.521.587		32.521.587		32.521.587
ơ khí + điện của cổng lấy nước và tràn xả	42.991.969		42.991.969		42.991.969		42.991.969
ặt bằng thi công, quy hoạch bãi vật liệu, in dòng thi công	50.275.221		50.275.221		50.275.221		50.275.221
ường thi công kết hợp quản lý	236.311.462		236.311.462		236.311.462		236.311.462
àn điện trung thế	3.064.443		3.064.443		3.064.443		3.064.443
àn điện hạ thế	2.715.000		2.715.000		2.715.000		2.715.000
ệ thống thiết bị quan trắc đập (tạm tính)	2.500.000		2.500.000		2.500.000		2.500.000
hu nhà quản lý cụm đầu mối	5.787.430		5.787.430		5.787.430		5.787.430
ử lý diệt trừ mối	1.006.597		1.006.597		1.006.597		1.006.597
ập đất số 3	7.697.376		7.697.376		7.697.376		7.697.376
Ệ THỐNG KÊNH VÀ CTTK	603.014.380	129.717.321	732.731.701		732.731.701		732.731.701
ênh Chính và CTTK Chính	12.154.118		12.154.118		12.154.118		12.154.118

Handwritten signature

HẠNG MỤC CHI PHÍ	KINH PHÍ (1.000 ĐỒNG)						
	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT QUẢN LÝ					UBND TỈNH ĐẮK LẮK QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
	Hợp phần Xây dựng công trình			Hợp phần Bồi thường hỗ trợ tái định cư và trồng rừng thay thế	CỘNG		
	Đầu mối Krông Pách Thượng +Hồ Ea Rót + Hệ thống kênh chính	Kênh và CTTK cấp I (Ft>150 ha)	Cộng				
(2)	(4)	(5)	(6)=(4)+(5)	(7)	(8)=(7)+(6)	(9)	(10)=(8)+(9)
nh Bắc và CTTK Bắc	361.035.649		361.035.649		361.035.649		361.035.649
u quản lý hệ thống kênh Bắc	2.078.901		2.078.901		2.078.901		2.078.901
nh Nam và CTTK Nam	225.666.811		225.666.811		225.666.811		225.666.811
Tuyến kênh cấp I và CTTK thuộc kênh n có Ft>150ha		129.717.321	129.717.321		129.717.321		129.717.321
u quản lý hệ thống kênh Nam	2.078.901		2.078.901		2.078.901		2.078.901
ĐẦU MỐI EA RÓK	454.380.926		454.380.926		454.380.926	37.335.313	491.716.239
CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI	348.856.699		348.856.699		348.856.699		348.856.699
o chính	119.440.247		119.440.247		119.440.247		119.440.247
n xả lũ	80.754.128		80.754.128		80.754.128		80.754.128
ng lấy nước	13.351.790		13.351.790		13.351.790		13.351.790
khí + điện của cống lấy nước và tràn xả	21.224.211		21.224.211		21.224.211		21.224.211
òng thi công kết hợp quản lý	107.795.955		107.795.955		107.795.955		107.795.955
n điện trung thế	947.205		947.205		947.205		947.205
n điện hạ thế	713.581		713.581		713.581		713.581
thống thiết bị quan trắc đập	1.587.926		1.587.926		1.587.926		1.587.926
i nhà quản lý cụm đầu mối	2.326.202		2.326.202		2.326.202		2.326.202
lý diệt trừ mối	715.454		715.454		715.454		715.454
THỐNG KÊ KÊNH VÀ CTTK	105.524.227		105.524.227		105.524.227	37.335.313	142.859.540
th chính và các CTTK	25.886.351		25.886.351		25.886.351		25.886.351
i quản lý hệ thống kênh chính	1.467.451		1.467.451		1.467.451		1.467.451
th Đông và CTTK trên kênh	34.286.365		34.286.365		34.286.365		34.286.365
th Tây và CTTK trên kênh	25.063.873		25.063.873		25.063.873		25.063.873
th cấp dưới có Ft>150ha	18.820.187		18.820.187		18.820.187		18.820.187
th và CTTK Ft <= 150ha						37.335.313	37.335.313
PHÍ THIẾT BỊ	25.093.385		25.093.385		25.093.385	952.879	26.046.264
N KRÔNGPÁCH THƯỢNG	15.897.559		15.897.559		15.897.559		15.897.559

HẠNG MỤC CHI PHÍ	KINH PHÍ (1.000 ĐỒNG)						
	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT QUẢN LÝ					UBND TỈNH ĐẮK LẮK QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
	Hợp phần Xây dựng công trình			Hợp phần Bồi thường hỗ trợ tái định cư và trồng rừng thay thế	CỘNG		
	Đầu mối Krông Pách Thượng +Hồ Ea Rót + Hệ thống kênh chính	Kênh và CTTK cấp I (Ft>150 ha)	Cộng				
(2)	(4)	(5)	(6)=(4)+(5)	(7)	(8)=(7)+(6)	(9)	(10)=(8)+(9)
iết bị cơ khí tràn	9.205.200		9.205.200		9.205.200		9.205.200
iết bị cơ khí cống	1.706.603		1.706.603		1.706.603		1.706.603
iết bị cơ khí kênh	1.985.756		1.985.756		1.985.756		1.985.756
iết bị camera (tạm tính)	3.000.000		3.000.000		3.000.000		3.000.000
Ồ EA RÓK	9.195.826		9.195.826		9.195.826	952.879	10.148.705
iết bị cơ khí tràn	6.595.183		6.595.183		6.595.183		6.595.183
iết bị cơ khí cống	512.500		512.500		512.500		512.500
iết bị cơ khí kênh						952.879	952.879
iết bị trạm biến áp	130.006		130.006		130.006		130.006
iết bị camera	1.958.137		1.958.137		1.958.137		1.958.137
ỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ+ TRỒNG RỪNG THAY THẾ				1.427.552.017	1.427.552.017	464.715.983	1.892.268.000
HI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	21.484.948	1.564.663	23.049.610		23.049.610	711.265	23.760.875
HI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	187.356.501	1.193.631	188.550.132		188.550.132	720.392	189.270.524
íp báo cáo đầu tư	439.113		439.113		439.113		439.113
íp dự án đầu tư	2.863.764		2.863.764		2.863.764		2.863.764
iều tra, khảo sát phục vụ lập dự án đầu tư	845.385		845.385		845.385		845.385
iều tra, khảo sát giai đoạn TKKT + KBVTC	82.632.712		82.632.712		82.632.712		82.632.712
hảo sát lập TKKT+BVTC hệ thống kênh rông Pách Thượng (bổ sung)	10.091.185		10.091.185		10.091.185		10.091.185
hiết kế phí giai đoạn TKKT + BVTC	43.120.334		43.120.334		43.120.334		43.120.334
hiết kế kỹ thuật + Thiết kế Bản vẽ thi công hệ thống kênh Krông Pách Thượng (Bổ sung)	10.625.426		10.625.426		10.625.426		10.625.426

hu

HẠNG MỤC CHI PHÍ	KINH PHÍ (1.000 ĐỒNG)						
	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT QUẢN LÝ					UBND TỈNH ĐẮK LẮK QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
	Hợp phần Xây dựng công trình			Hợp phần Bồi thường hỗ trợ tái định cư và trồng rừng thay thế	CỘNG		
	Đầu mối Krông Pách Thượng +Hồ Ea Rót + Hệ thống kênh chính	Kênh và CTTK cấp I (Ft>150 ha)	Cộng				
(2)	(4)	(5)	(6)=(4)+(5)	(7)	(8)=(7)+(6)	(9)	(10)=(8)+(9)
nạo sát thủy văn 02 hồ	227.721		227.721		227.721		227.721
lập tra thiết kế xây dựng	667.657	45.791	713.448		713.448		713.448
lập tra dự toán xây dựng	636.151	46.546	682.697		682.697		682.697
ra chọn nhà thầu thi công xây dựng	504.062	34.668	538.730		538.730	73.668	612.397
ra chọn nhà thầu lắp đặt thiết bị	54.250		54.250		54.250		54.250
ám sát thi công xây dựng	10.042.477	728.694	10.771.172		10.771.172	646.724	11.417.896
ám sát lắp đặt thiết bị	134.621		134.621		134.621		134.621
ểm tra, kiểm định chất lượng công trình (m tính)	3.300.000		3.300.000		3.300.000		3.300.000
ều tra, khảo sát môi	285.157		285.157		285.157		285.157
lập tra thiết kế BVTC điều chỉnh tràn xả và xử lý móng cống lấy nước Krông Pách ượng .	137.863		137.863		137.863		137.863
lập dựng đơn giá đá xây dựng tận dụng để công cụm đầu mối hồ Krông Pách ượng.	125.000		125.000		125.000		125.000
lập đặc cấp đất xây dựng công trình	1.228.738		1.228.738		1.228.738		1.228.738
lập phương án phòng chống lũ hạ du đập (m tính)	2.946.723		2.946.723		2.946.723		2.946.723
ám sát đánh giá đầu tư	4.296.990	312.933	4.609.922		4.609.922		4.609.922
lập quy trình vận hành điều tiết và sổ tay ống dẫn theo Phương pháp Imamura- Hồ ống Pách Thượng	1.427.448		1.427.448		1.427.448		1.427.448
lập quy trình vận hành điều tiết Hồ Ea Rót	379.306		379.306		379.306		379.306
lập đổi vốn đầu tư về thời điểm bàn giao vào sử dụng (tạm tính)	387.000	25.000	412.000		412.000		412.000

HẠNG MỤC CHI PHÍ	KINH PHÍ (1.000 ĐỒNG)						UBND TỈNH ĐẮK LẮK QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT QUẢN LÝ							
	Hợp phần Xây dựng công trình			Hợp phần Bồi thường hỗ trợ tái định cư và trồng rừng thay thế	CỘNG			
	Đầu mối Không Pách Thượng + Hồ Ea Rót + Hệ thống kênh chính	Kênh và CTTK cấp I (Ft>150 ha)	Cộng					
(2)	(4)	(5)	(6)=(4)+(5)	(7)	(8)=(7)+(6)	(9)	(10)=(8)+(9)	
nghiệm đầm nén, kiểm tra chất lượng liệu tại hiện trường...(tạm tính)	3.000.000		3.000.000		3.000.000		3.000.000	
điều chỉnh dự án đầu tư (tạm tính)	500.000		500.000		500.000		500.000	
tra dự án đầu tư điều chỉnh (tạm tính)	100.000		100.000		100.000		100.000	
tra hợp phần Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (tạm tính)	450.000		450.000		450.000		450.000	
khung chính sách Bồi thường, hỗ trợ, định cư Hồ Không Pách Thượng (tạm tính)	496.000		496.000		496.000		496.000	
n mốc giải phòng mặt bằng lòng hồ Không Pách Thượng	2.523.945		2.523.945		2.523.945		2.523.945	
chức rà soát cơ cấu cây trồng có giá trị h tế cao và quản lý tưới (tạm tính)	2.887.473		2.887.473		2.887.473		2.887.473	
II PHÍ KHÁC	100.986.024	10.250.309	111.236.333		111.236.333	1.324.928	112.561.261	
í nghiệm mô hình thủy lực tràn xả lũ	3.119.375		3.119.375		3.119.375		3.119.375	
ảo sát dò tìm và xử lý bom mìn vật nổ, ít độc hóa học (tạm tính)	42.540.360		42.540.360		42.540.360		42.540.360	
o hiểm công trình trong thời gian xây ng (tạm tính)	11.928.370	2.330.642	14.259.011		14.259.011	629.631	14.888.643	
í thẩm định dự án đầu tư	58.822		58.822		58.822		58.822	
í thẩm định thiết kế xây dựng	412.101	27.978	440.080		440.080	32.737	472.816	
í thẩm định dự toán xây dựng	392.211	26.628	418.839		418.839	31.432	450.271	
ang thiết bị quản lý và đào tạo khai thác n hành (tạm tính)	5.000.000		5.000.000		5.000.000		5.000.000	

12

HẠNG MỤC CHI PHÍ	KINH PHÍ (1.000 ĐỒNG)						
	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT QUẢN LÝ					UBND TỈNH ĐẮK LẮK QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
	Hợp phần Xây dựng công trình			Hợp phần Bồi thường hỗ trợ tái định cư và trồng rừng thay thế	CỘNG		
	Đầu mối Krông Pách Thượng +Hồ Ea Rót + Hệ thống kênh chính	Kênh và CTTK cấp I (Ft>150 ha)	Cộng				
(2)	(4)	(5)	(6)=(4)+(5)	(7)	(8)=(7)+(6)	(9)	(10)=(8)+(9)
p hồ sơ hoàn công, lưu trữ tài liệu (tạm h)	836.550	163.450	1.000.000		1.000.000		1.000.000
ăm tra, phê duyệt quyết toán (tạm tính)	814.777	55.317	870.094		870.094	229.804	1.099.897
êm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn inh (tạm tính)	4.672.468	317.224	4.989.692		4.989.692	364.490	5.354.182
ăm định kết quả lựa chọn nhà thầu (tạm h)	877.086	171.371	1.048.457		1.048.457	36.834	1.085.291
o đạc, nghiên cứu đánh giá hiệu quả, tác ng môi trường (tạm tính)	900.000		900.000		900.000		900.000
í phí khác (tạm tính)	2.000.000		2.000.000		2.000.000		2.000.000
m mốc bảo vệ công trình và nguồn nước m tính)	2.000.000		2.000.000		2.000.000		2.000.000
í khởi công, nghiệm thu, bàn giao (tạm h)	500.000		500.000		500.000		500.000
p hồ sơ cấp giấy phép khai thác, sử dụng nguyên nước 2 Hồ Krông Pách Thượng Hồ Earót	1.797.896		1.797.896		1.797.896		1.797.896
í phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình (tạm tính)	650.000	50.000	700.000		700.000		700.000
ng mục chung	22.186.009	7.107.699	29.293.708		29.293.708		29.293.708
í phí an ninh bảo vệ công trình (tạm tính)	300.000		300.000		300.000		300.000
II PHÍ DỰ PHÒNG	83.736.354	9.905.149	93.641.503		93.641.503	5.998.192	99.639.695
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI+VII)	2.329.294.315	152.631.073	2.481.925.388	1.427.552.017	3.909.477.405	511.758.951	4.421.236.356